

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TH NGUYỄN VĂN TÂY

Biểu mẫu 07

*Kèm theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo*

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học
Năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	43/63	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	43	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6.000	2,08 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.862	0,99 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56 m ²	
2	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	24 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	56 m ²	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	63	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 1	13	1
2	Khối lớp 2	14	1
3	Khối lớp 3	12	1
4	Khối lớp 4	12	1
5	Khối lớp 5	12	1
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	150	
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	43	1
2	Cát xét	5	

3	Đầu Video/đầu đĩa	38	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Bộ âm thanh (amly, loa)	1	
7	Laptop	5	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1 (24 m ²)
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	7		12		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
			Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		Lưới			
XVII	Kết nối internet (ADSL)		x			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x			
XIX	Tường rào xây		x			

Thủ Đức, ngày 05 tháng 9 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trần Kim Hoàng